

Chọn từ

điền vào chỗ trống

1

你可以给我 _____ 你的朋友吗?
Nǐ kěyǐ gěi wǒ _____ nǐ de péngyou ma?

推进

推荐

2

这家衣服店的衣服 _____ 好不好?
Zhè jiā yīfu diàn de yīfu _____ hǎobuǎo?

质量

重量

3

想知道质量好坏 _____ 看看“评论”。
Xiǎng zhīdào zhìliàng hǎohuài _____ kànkān “pínglùn”.

可以

和好

4

你要仔细 _____ 检查收货人名字和地址。
Nǐ yào zǐxì _____ jiǎnchá shōuhuò rén míngzi hé dìzhǐ.

的

地

5

我 _____ 葡萄、草莓都放在冰箱里了。
Wǒ _____ pútáo, cǎoméi dōu fàng zài bīngxiāng lǐ le.

把

吧